

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thanh Kỳ.
- Bà Trần Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Không tham gia theo Văn bản số 09/CV-VKC-DS ngày 19/11/2022.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: 361 T, phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc P - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Ngọc P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

3. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: ấp 8, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt; Luật sư P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2022; bản tự khai ngày 20/10/2022 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thuý H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 và có và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, được cấp giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/1990. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K thường xuyên bạo hành với bà. Vì không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa nên bà và các con đã bỏ đi lên Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và bà đã sống ly thân với anh K cho đến nay. Đến năm 2017 bà đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông K tại Toà án nhưng sau đó được Toà án khuyên can hoà giải nên bà đã rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nhưng ông K không thay đổi. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông K nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hoàng K có 03 con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 13/01/1990, Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 06/01/1994 và Nguyễn Hoàng Thuý V, sinh ngày 09/01/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/10/2022 bị đơn là ông Nguyễn Hoàng K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thuý H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thới Đông, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/6/1990. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông cũng thừa nhận là mỗi khi vợ chồng cãi vã thì ông có đánh đập bà H. Vì thế mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ cuối năm 2013 ông và bà H đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà H nữa nên bà H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 13/01/1990, Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 06/01/1994 và Nguyễn Hoàng Thuý V, sinh ngày 09/01/2002. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong bài phát biểu gửi đến Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuý H: Cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngày 19/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có Công văn số 09/CV-VKS-DS về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm do xét thấy vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thuý H yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Thuý H là nguyên đơn; ông Nguyễn Hoàng K là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuý H, bị đơn ông Nguyễn Hoàng K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Ngọc P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H và ông K tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/1990 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H và ông K đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông K đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng từ nhiều năm nay. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...**CÓ NGHĨA VỤ SỐNG CHUNG VỚI NHAU***”. Tuy nhiên, kể từ khi bà H ông K không còn sống chung với nhau thì hai người cũng không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông K đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông K là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông K theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Bà H và ông K có 03 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 13/01/1990, Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 06/01/1994 và Nguyễn Hoàng Thuý V, sinh ngày 09/01/2002. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thuý H chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 7 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 19, 51, 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thuý H. Bà Nguyễn Thị Thuý H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thuý H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0003758 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thuý H, ông Nguyễn Hoàng K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND P.Thới An Đông, Q.Bình Thủy,
TP. Cần Thơ (GCNKH số 009, ngày 29/6/1990);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

